

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - E
TỈNH E

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

E, ngày 08 tháng 01 năm 2026

Số: 16/2026/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 381/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2025 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn*” giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị **Đặng Thị H** – SN: 12/12/1996; nơi cư trú: Thôn C, xã D, tỉnh E.

CCCD số: 052196003565; ngày cấp: 16/9/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

- **Bị đơn:** Anh **A B** – SN: 13/4/1997; nơi cư trú: Thôn C, xã D, tỉnh E.

CCCD số: 062097006150; ngày cấp: 05/12/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội K.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Phan Nguyễn G – Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội K (Theo Quyết định số 137/QĐ-NHCSPC ngày 25/5/2023 về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án).

Địa chỉ: Số 145 Quang Trung, xã K, tỉnh E.

* Nơi đăng ký kết hôn: Ủy ban nhân dân xã Cát Tài, huyện K, tỉnh Bình Định (cũ) (nay là Ủy ban nhân dân xã D, tỉnh E).

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 317 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83, 84 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 12 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị H và anh A B.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đặng Thị H và anh A B thuận tình ly hôn.

2.2. *Về quan hệ con chung*: Chị Đặng Thị H và anh A B thống nhất có 03 con chung tên: Đặng Tuệ M – SN: 25/5/2019, Đặng Minh Q – SN: 07/8/2023 và Đặng Gia Tuệ P – SN: 03/10/2025, hiện đang sống với chị H. Khi ly hôn, chị H và anh B thống nhất giao 03 cháu M, Q và P cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng và anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng (ba cháu 4.500.000 đồng/tháng), thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 01 năm 2026 cho đến khi các cháu M, cháu Q và cháu P trưởng thành (tròn 18 tuổi).

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với người trực tiếp nuôi. Vì lợi ích của con, đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng sau khi ly hôn.

2.3. *Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung*: Chị Đặng Thị H, anh A B và ông Phan Nguyễn G thống nhất hiện nay chị H và anh B còn nợ Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội K số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng chẵn) tiền gốc và lãi 293.590 đồng, theo Hợp đồng tín dụng số: 7137747048/2024/HĐ-TD ngày 23/10/2024 và chị H, anh B và ông G yêu cầu Tòa án ghi nhận giao khoản nợ trên cho chị H trả 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) và giao cho anh A B trả 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) tiền gốc và lãi đến ngày 29/12/2025 là 293.590 đồng và để cho chị H tiếp tục thực hiện Hợp đồng trên, thời hạn trả cuối cùng là ngày 25 tháng 10 năm 2029 và đến ngày 25 tháng 01 năm 2026 anh A B trả hết số nợ gốc và lãi là 25.293.590 đồng (hai mươi lăm triệu, hai trăm chín mươi ba nghìn, năm trăm chín mươi đồng) và tiếp tục trả lãi từ ngày 30

tháng 12 năm 2025 đến ngày 25 tháng 01 năm 2026 theo Hợp đồng tín dụng số: 7137747048/2024/HĐ-TD ngày 23/10/2024.

2.4. *Án phí*: Về án phí hôn nhân sơ thẩm, chị Đặng Thị H tự nguyện chịu 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng) sung ngân sách Nhà nước. Về án phí dân sự sơ thẩm, chị Đặng Thị H tự nguyện chịu 1.250.000 đồng (một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) sung ngân sách Nhà nước. Về án phí cấp dưỡng nuôi con, anh A B tự nguyện chịu 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng) sung ngân sách Nhà nước và chị Hồng tự nguyện chịu thay cho anh A B 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng) sung ngân sách Nhà nước và anh A B đồng ý. Chị Đặng Thị H đã nộp 1.550.000^d (một triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007195 ngày 29/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh E nay được khấu trừ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền. Hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng Giám đốc, Kiểm tra, Thanh tra và Thi hành án TAND tỉnh E;
- VKSND khu vực 3 - E;
- Phòng THADS khu vực 3 - E;
- UBND xã D, tỉnh E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

THẨM PHÁN

Cao Văn Đ